**Phụ lục 78**
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG**
**ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026**
**XÃ THẠNH MỸ TÂY**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

## A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 2,3,4,5,7,9,10,12,13,16,35,42,61,62,63 Phụ lục 78 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2*

| TT | Số TT PL78 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Tên đường | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **SỬA TÊN ĐƯỜNG VÀ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI KHÁC** | | | |
| 1 | 2 | Cụm dân cư Trung tâm xã | | |
| | | Đường số 5 (Đường số 1 – Đường số 3) | 1.221 | Sửa tên đường (Tên cũ: Đường số 5 (Đường số 1 – Ranh thửa 107,108 tờ 7)) |
| | | Đường số 7 (Đường số 2 – Đường số 3) | 1.221 | Sửa tên đường (Tên cũ: Đường số 7 (Đường số 2 – Hẻm thông hành L2,L3)) |
| | | Các nền còn lại và nền chính sách | 305 | Sửa tên đường (Tên cũ: Các nền còn lại) |
| 2 | 3 | Chợ TT xã Ô Long Vĩ | | |
| | | Các nền còn lại và nền chính sách | 308 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền chính sách) |

| TT | Số TT PL78 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Tên đường | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 3 | 4 | Cụm dân cư Nam Kênh Tri Tôn –K7 – K8 | | |
| | | Các nền còn lại và nền chính sách | 222 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền chính sách) |
| 4 | 5 | Cụm dân cư ấp Bờ Dâu | | |
| | | Đường số 3 (suốt tuyến) | 1.247 | Sửa tên đường (Tên cũ: Đường số 3 (Tờ BĐ 58 thửa ( 503-507; 379-386)) |
| | | Các nền còn lại và nền chính sách | 564 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền chính sách) |
| 5 | 7 | Cụm dân cư Đầu kênh 13 | | |
| | | Nền loại 2:<br>Đường số 2 (Đường số 4 - Đường số 3)<br>Đường số 2 (4 nền đầu lô B tính từ Đường số 4) | 847 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền loại 2:<br>Đường số 2 (Đường số 4 - Đường số 3)<br>Các nền còn lại Tờ BĐ 62 (170 - 173)) |
| | | Các nền còn lại và nền chính sách | 154 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền tái định cư (các thửa còn lại)) |
| 6 | 9 | Chợ Hưng Thới | | |
| | | Đối diện nhà lồng chợ | 2.646 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền loại 1: Đối diện nhà lồng chợ) |

| TT | Số TT PL78 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Tên đường | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Đường số 2 (suốt tuyến); Đường số 3 (Suốt tuyến) | 1.776 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền loại 2:Đường số 2 (Các nền còn lại) Đường số 3 (Suốt tuyến)) |
| | | Các nền còn lại | 204 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền chính sách) |
| 7 | 10 | Cụm dân cư Tây kênh 13 | | |
| | | Các nền còn lại và nền chính sách | 509 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền chính sách) |
| 8 | 12 | Tuyến dân cư ấp Long Bình | | |
| | | Các nền còn lại và nền chính sách | 154 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền chính sách) |
| 9 | 13 | Tuyến dân cư Nam Kênh Đào – Tây kênh 11 | | |
| | | Các nền còn lại và nền chính sách | 154 | Sửa tên đường (Tên cũ: Nền chính sách (Các thửa còn lại)) |
| 10 | 16 | Đường tỉnh 945 mới (Quốc lộ 80C) | | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 945 (mới)) |
| 11 | 16 | Kênh 7 đến kênh 13 | 1.434 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 945 (mới)) |
| | | Kênh 13 đến điểm đấu nối Đường tỉnh 945 cũ | 989 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh 945 mới (kênh 13- Đường tỉnh 945 cũ)) |

| TT | Số TT PL78 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Tên đường | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 12 | | Đường tỉnh 945 (cũ) | | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 945) |
| | | Kênh 10 - Kênh 11 | 1.463 | Gộp đoạn; Kênh 10 - biên ngoài chợ Long châu; Biên ngoài chợ Long Châu - kênh 11 |
| 13 | 42 | Đường Nam Cần Thảo | | |
| | | Kênh 7 – Kênh Ranh | 439 | Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Nam Cần Thảo: Kênh 7 – Ranh xã Thạnh Mỹ Tây) |
| 14 | 61 | Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m | 389 | Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa ) |
| 15 | 62 | Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m | 311 | Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa ) |
| **II** | **BỔ SUNG** | | | |
| 1 | | Khu tái định cư huyện Châu Phú phục vụ dự án thành phần 1 thuộc dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 | | Bổ sung |
| | | Đường số 1 | 6.000 | Bổ sung |
| | | Đường số 3 | 4.200 | Bổ sung |

| TT | Số TT PL78 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Tên đường | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Đường số 2 và Đường số 4 | 4.000 | Bổ sung |
| | | Đường số 5 | 3.500 | Bổ sung |
| **III** | **HỦY BỎ** | | | |
| 1 | 63 | Các tuyến đường còn lại | | Huỷ bỏ |

## B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2*

| TT | Số TT PL78 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Loại đất | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **I** | **Khu vực gồm các ấp: Ba Xưa, Bờ Dâu, Cầu Dây, Long Châu, Mỹ Bình, Tây An, Thạnh Hòa, Thạnh Phú** | | |
| 1 | 1 | Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản | | |
| a | a | Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu) | | |
| - | - | Đường tỉnh 945 mới (Quốc lộ 80C) | 98 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 945 mới); |
| **2** | **2** | **Đất trồng cây lâu năm** | | |
| a | a | Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu) | | |
| - | - | Đường tỉnh 945 mới (Quốc lộ 80C) | 95 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 945 mới); |

| TT | Số TT PL78 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND | Loại đất | Giá đất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **II** | **II** | **Khu vực gồm các ấp: Hưng Hòa, Hưng Lợi, Hưng Phát, Hưng Phú, Hưng Thạnh, Hưng Thới, Hưng Thuận, Hưng Trung** | | |
| 1 | 1 | Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản | | |
| a | a | Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu) | | |
| - | - | Đường tỉnh 945 mới (Quốc lộ 80C) | 100 | Sửa tên đường (Tên cũ:Tiếp giáp Đường tỉnh 945 mới); |
| 2 | 2 | Đất trồng cây lâu năm | | |
| a | a | Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu) | | |
| - | - | Tiếp giáp Đường tỉnh 945 mới (Quốc lộ 80C) | 110 | Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Đường tỉnh 945 mới); |